

Tập 3

Xin mở cuốn Hạ của bộ kinh, chúng ta đang đọc phần Nhân Đề.

(Diễn) Minh Cổ Hàng Vân Thê Tự sa-môn Châu Hoằng thuật.

(演) 明古杭雲棲寺沙門祿宏述 .

(Diễn: Đòi Minh, sa-môn Châu Hoằng chùa Vân Thê tại Cổ Hàng thuật).

Đây là tác giả của bộ Sớ Sao. Liên Trì đại sư viết Sớ Sao, tựa đề trong nguyên bản ghi là “*hậu học Cổ Hàng Vân Thê Tự*”. Về sau, người khắc in do thấy đại sư là người đời Minh nên đã bỏ bớt hai chữ “*hậu học*”, thay bằng chữ Minh để [độc giả] vừa đọc liền biết ngay Ngài là người sống vào đời Minh.

(Diễn) Nhân đề trung, học giả, hiệu dã. Hậu giác giả, tất hiệu tiên giác chi sở vi. Cổ cổ nhân hữu đại triệt chi hậu, nãi chung thân cư học địa giả. Kim đại sư tự xưng hậu học, diệc thứ ý dã.

(演) 人題中。學者，效也。後覺者，必效先覺之所為，故古人有大徹之後，乃終身居學地者。今大師自稱後學，亦此意也。

(Diễn: Trong phần Nhân Đề, “học” là phỏng theo. Kẻ hậu giác ắt sẽ noi theo hành động của bậc tiên giác (người giác ngộ trước). Vì thế, cổ nhân sau khi đại triệt, bền suốt đời giữ địa vị là người cầu học. Nay đại sư tự xưng là “hậu học” cũng do ý này).

Tiếp theo đó là giới thiệu Liên Trì đại sư. Trước hết, giảng ý nghĩa của chữ “*hậu học*”. “*Học*” cũng có nghĩa là giác, mà cũng có nghĩa là “*phỏng theo*” (bắt chước theo, làm theo). Kẻ hậu giác nhất định phải phỏng theo hành vi của bậc “*tiên tri, tiên giác*” (hiểu biết trước, giác ngộ trước). Hành vi của những vị ấy chính là cách thức để cầu giác ngộ. Vị ấy giác ngộ như thế nào? Chứng quả như thế nào? Những điều ấy đáng để chúng ta bắt chước làm theo, đáng để chúng ta học theo. Cổ nhân nêu gương tu học cho chúng ta: Sau khi đại triệt đại ngộ vẫn giống hệt như kẻ mới học; khiêm hư như thế đó, hiểu học như vậy đó, rất khó có. Chúng ta càng phải nên học theo điểm này, nhất định chớ nên “*được chút ít đã cho là đủ*”, học được chút xíu đã tự cảm thấy ta rất ngon lành, cảm thấy bản

thân ta hơn hết thấy mọi người, ngạo mạn, ngông cuồng! Đây chính là chướng ngại. Người thật sự hữu tu hữu học nhất định hết sức khiêm hư, mãi cho đến khi chứng địa vị Như Lai vẫn khiêm hư như thế, quý vị thấy có vị Phật nào chẳng khiêm hư hay chẳng? Phàm những ai dính mắc tập khí ngạo mạn nhất định sẽ chẳng có thành tựu. Trong hết thấy các kinh, chúng ta chẳng thấy có vị Bồ Tát hay Phật nào ngạo mạn, ngay cả tập khí ngạo mạn cũng chẳng thấy. A La Hán có tập khí ngạo mạn, nhưng từ Bích Chi Phật trở lên đều không có, tuyệt đối chẳng vương mắc tập khí ngạo mạn; nhưng những kẻ tu học về sau này, chúng ta thường thấy họ ngạo mạn đầy dẫy. Phải đặc biệt tự mình kiểm điểm, thường là [chính mình] chẳng hay chẳng biết, dường như là học vấn tăng trưởng một phần thì ngã mạn cũng tăng trưởng một phần, đích xác là có trường hợp như vậy.

Thậm chí, chúng tôi còn nghe nói trong thế gian thật sự có chuyện như thế này: Con cái coi thường cha, cha không biết chữ, làm ruộng, vun vén cho con cái tốt nghiệp đại học. Con cái tự cảm thấy mình giỏi giang quá, cha chẳng hiểu biết gì hết, chưa từng đi học; [con cái] trở về nhà, ngay cả cha mẹ cũng xem thường. Quý vị hãy suy nghĩ: Học vấn của gã ấy là gì vậy? Làm cho cha mẹ hối hận không kịp. Thuở ấy, giá mà bảo con đi làm ruộng sẽ tốt hơn, nó còn biết hiếu thuận với cha mẹ. Đâu ngờ học vấn càng cao, trông mắt sẽ dần dần trợn ngược lên đỉnh đầu, chẳng thấy ai hết! Tập khí phiền não ngày càng tăng trưởng. Đây chẳng phải là học vấn! Tục ngữ thường nói: *“Học vấn thâm thời, ý khí bình”* (Khi học vấn sâu xa, ý chí, tánh tình bình ổn), đây mới là học vấn thật sự. Đương nhiên [kẻ ngạo mạn] càng chẳng phải là giác ngộ như trong Phật pháp đã nói; kẻ mê hoặc điên đảo mới có tập khí tham, sân, si, mạn, người giác ngộ quyết định chẳng thể có tập khí ấy. Do vậy, kẻ mê, người giác, chúng ta có thể quan sát được! Hãy đặc biệt hồi quang phản chiếu, xét xem chính mình có thật sự giác ngộ hay chẳng? Hay là mỗi ngày một mê sâu hơn? Điều này khẩn yếu đấy nhé! Liên Trì đại sư là nhân vật như thế nào? Nếu không phải là Phật tái lai thì cũng là Bồ Tát tái lai. Tuy chúng ta chẳng biết bản địa của Ngài, nhưng xác thực Ngài chẳng phải là kẻ tầm thường. Ngài trở thành bậc *“nhất đại tổ sư”* trong thế gian mà vẫn khiêm hư như thế đó, xưng là *“hậu học”* cũng là do ý nghĩa này, phỏng theo cổ đại đức mà tự xưng là *“hậu học”*.

Trong phần Nhân Đề, nguyên bản ghi là *“hậu học”*, người đời sau sửa lại. Sửa lại cũng đúng; bởi lẽ, thuở ấy, Ngài xưng là hậu học thì chính xác, sau khi nhà Minh diệt vong là đến nhà Thanh, ắt phải ghi thêm triều

đại vào đầu câu đề [người đọc] biết Ngài là người sống vào thời đại nào. Do vậy, đổi thành chữ Minh. Ngài là người sống vào đời Minh.

(Diễn) Cổ Hàng, cổ xưng Hàng Châu.

(演) 古杭，古稱杭州。

(Diễn: Cổ Hàng là chỗ thời xưa gọi là Hàng Châu).

Quê Ngài ở Hàng Châu. Cổ Hàng là nơi được gọi là Hàng Châu vào thời cổ.

(Diễn) Nam Tống kiến đô canh danh Lâm An.

(演) 南宋建都更名臨安。

(Diễn: Thời Nam Tống, lập kinh đô tại đó, đổi tên thành Lâm An).

Kinh đô của nhà Tống vốn là thành Biện Lương, nay là huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam. Thuở ấy, quân Kim xâm lăng, nhà Tống không có cách nào kháng cự, Tống Cao Tông dời đô đến Hàng Châu hiện thời, trong lịch sử gọi là “nhà Nam Tống”, Nhạc Phi sống vào thời này.

Sau khi dời đô đến chỗ này, bèn đổi tên nơi này thành Lâm An.

(Diễn) Kim viết Hàng Châu, phục cổ dã.

(演) 今日杭州復古也。

(Diễn: Nay gọi là Hàng Châu, tức là khôi phục tên cổ).

Hiện thời lại gọi là Hàng Châu, tức là tên được đổi lần nữa vào đời Minh. Mãi cho đến hiện thời vẫn gọi là Hàng Châu, đây là địa danh.

(Diễn) Vân Thê Tự danh.

(演) 雲棲寺名。

(Diễn: Vân Thê là tên chùa).

Đây là đạo tràng của đại sư.

(Diễn) Tại Ngũ Vân sơn chi lặc.

(演) 在五雲山之麓。

(Diễn: Dưới chân núi Ngũ Vân).

“*Lộc*” (麓) là chân núi. Nơi này cũng thuộc Hàng Châu.

(Diễn) *Tiên thị sơn chi diên, hữu ngũ sắc thụy vân bàn toàn kỳ thượng, nhân dĩ danh sơn dĩ.*

(Động) 先是山之顛，有五色瑞雲盤旋其上，因以名山已。

(Diễn: *Trước kia, do đỉnh núi có mây lành năm sắc vây quanh phía trên nên đặt tên núi như vậy).*

Đây là trình bày lý do vì sao núi Ngũ Vân có tên như vậy; tức là do có mây năm sắc thường tụ trên đỉnh núi, nên gọi là Ngũ Vân sơn.

(Diễn) *Nhi ngũ vân phi tập sơn Tây ở trung, kinh cửu bất tán, thời nhân dị chi, hiệu vi Vân Thê Ổ.*

(Động) 而五雲飛集山西塢中，經久不散，時人異之，號為雲棲塢。

(Diễn: *Nhưng mây năm sắc trôi về tụ tập nơi hang núi phía Tây một thời gian dài chẳng tan, người thời ấy lấy làm lạ, bèn đặt tên là “hang mây đậu”).*

“Ổ” (塢) là hang núi. Mây từ đỉnh núi dần dần hạ xuống hang núi, mây lành năm sắc thường xuyên chẳng tan.

Mọi người bèn gọi hang núi ấy là Vân Thê Ổ (hang mây đậu), giống như mây ngưng đậu tại nơi ấy. Đoạn này nói rõ lai lịch của chùa Vân Thê.

(Diễn) *Tống thời hữu Chí Phùng thiên sư kiến tự.*

(Động) 宋時有志逢禪師建寺。

(Diễn: *Vào thời Tống, có thiền sư Chí Phùng dựng chùa [tại nơi ấy]).*

Dựng chùa tại nơi ấy. Chùa có tên là Vân Thê Tự.

(Diễn) *Hiệu viết Vân Thê Tự. Tuế cửu vu phế, đại sư ái kỳ sầm tịch, phu tọa kỳ gian, thời nhân vi chi cấu thất, tự phục hưng yên.*

(Động) 號曰雲棲寺。歲久蕪廢，大師愛其岑寂，跌坐其間，時人為之構室，寺復興焉。

(Diễn: Tên là *Vân Thê Tự*. Lâu ngày chùa hoang vu, bỏ phế. Đại sư thích vẻ thanh vắng của nó, bèn tịnh tọa nơi ấy. Người thời ấy bèn dựng nhà cho Sư, chùa lại được hưng thịnh).

Phong cảnh nơi ấy hết sức đẹp, rất thanh vắng. Mọi người không ai đến nơi ấy, chùa lâu ngày không được sửa chữa, không ai ở. Từ đời Tống sang đời Minh còn có nhà Nguyên ở giữa, đại sư là người sống vào cuối đời Minh; tính ra, thời gian phải từ sáu trăm năm trở lên. Ngôi chùa ấy không được tu bổ đã lâu, trở thành nơi hoang vu, bỏ phế. Liên Trì đại sư đến nơi ấy, thích hoàn cảnh của nơi ấy, hoàn cảnh hết sức thanh vắng. Chính Ngài vốn không có ý nghĩ phục hưng ngôi chùa, chỉ cất một am tranh trong đồng hoang tàn để trụ tại nơi đó. Về sau, bị người ta nhận biết, mọi người đến thân cận Sư, nhận thấy Ngài thật sự là một vị cao tăng hữu đạo.

Do vậy, người đến thân cận ngày càng nhiều, nơi ấy đông đảo hơn, hàng cư sĩ, trưởng giả dần dần biết đến Sư. Mọi người phát tâm khôi phục ngôi chùa ấy, hiện nay chính là chùa Vân Thê, trở thành một tông lâm đạo tràng. Ngôi đại điện trong chùa này có tên là Thần Vận Điện, vì được thần lực giúp kiến tạo. Ngôi chùa này rất nổi tiếng trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc là do đức hạnh của đại sư chiêu cảm. Cổ nhân thường nói: “*Bất phạ một hữu miếu, chỉ phạ một hữu đạo*” (Chẳng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo). Đại sư hữu đạo, tuy không có chùa, đã có quỷ thần giúp Ngài kiến lập, cảm động tứ phương học nhân dần dần kéo tới tụ tập tại đạo tràng ấy. Đạo tràng ấy tự nhiên phục hưng.

(Diễn) *Sa-môn, thử vân Cần Tức, cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si.*

(演) 沙門，此云勤息，勤修戒定慧，息滅貪瞋痴。

(Diễn: *Sa-môn, Hán dịch là Cần Tức, [nghĩa là] siêng tu Giới - Định - Huệ, dứt diệt tham, sân, si).*

“*Sa-môn*”: Đây cũng là đại sư khiêm hư tự xưng. Sa-môn (Śramaṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là “*Cần Tức*”, có nghĩa là “*cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), nên gọi là Sa-môn. Sa-môn là tiếng dùng để gọi chung những người tu hành tại Ấn Độ vào thời cổ. Chúng ta biết: Vào thời cổ, Ấn Độ là đất nước của tôn giáo. Trong kinh Phật thường nói tới chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Những loại ngoại đạo ấy khá cao minh, công phu

của họ có thể đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, có thần thông, có Thiên Định (Tứ Thiên Bát Định). Người xuất gia tu hành rất nhiều, gọi chung là Sa-môn. Nhìn từ chỗ này, không riêng gì Phật pháp phải đoạn tham, sân, si, mà những ngoại đạo tại Ấn Độ cũng phải đoạn tham, sân, si, có giống như Phật pháp hay không? Không giống! Phật pháp là thật sự đoạn, còn họ chỉ là “phục đoạn” (đề nén, chế ngự).

Công phu Thiên Định sâu, tham, sân, si chẳng dấy lên hiện hành, Tứ Thiên Bát Định đều là phục đoạn. A La Hán đạt đến Đệ Cửu Định mới thật sự đoạn trừ, hễ đoạn trừ bèn thoát khỏi tam giới, siêu việt sanh tử luân hồi. Sanh tử luân hồi vì sao mà có? Do tham, sân, si biến hiện. Nếu chúng ta hỏi: Trong tương lai có còn phải luân hồi hay chẳng thì quý vị đừng hỏi ai khác, hãy hỏi chính mình có đoạn được tham, sân, si hay chưa? Thật sự chẳng còn tham, sân, si thì sẽ không có luân hồi. Tham, sân, si là nhân; lục đạo luân hồi là quả báo. Có nhân ắt có quả. Đoạn trừ nhân thì đương nhiên quả chẳng còn nữa. Chẳng đoạn tham, sân, si, quyết định chẳng tránh khỏi luân hồi, tham, sân, si, khá là phiền phức. Nếu tham cầu ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, quá nửa là quả báo trong tam đồ. Nếu tham cầu Phật pháp, tham cầu thiện nghiệp, chưa đoạn tham, sân, si, quả báo sẽ thuộc về ba đường lành, chẳng ra khỏi lục đạo. Muốn thoát lục đạo, nhất định phải đoạn tham, sân, si, đây là điều chúng ta phải nhất định nhớ kỹ.

Danh xưng Sa-môn sau khi được truyền đến Trung Quốc bèn biến thành tiếng gọi chung những người xuất gia trong Phật giáo; [người tu hành trong] những đạo khác tại Trung Quốc chẳng xưng là Sa-môn. Sa-môn là [danh xưng] khiêm hư, là tiếng xưng hô của người còn thuộc địa vị học hỏi, giống như tiếng xưng hô của kẻ làm học trò. Trong kinh nói Sa-môn có bốn loại khác nhau, ở đây, nêu ra như sau:

(Diễn) Hữu thắng đạo, thuyết đạo, hoạt đạo, ô đạo, tứ chủng bất đồng.

(演) 有勝道、說道、活道、汙道四種不同。

(Diễn: Có bốn loại khác nhau là thắng đạo, thuyết đạo, hoạt đạo và ô đạo).

Người xuất gia có thể chia thành bốn loại.

(Diễn) Thắng tức Phật, Bồ Tát đẳng.

(演) 勝即佛菩薩等。

(Diễn: Thắng đạo sa-môn là những vị như Phật, Bồ Tát v.v...)

Thắng đạo sa-môn: “Thắng” là thù thắng. Bạc sa-môn thù thắng nhất chính là Giới - Định - Huệ viên mãn, tiêu diệt sạch sành sanh tham, sân, si. Thắng đạo sa-môn chính là Phật, Bồ Tát. Quý vị đọc đến chỗ này cảm thấy lạ lùng, vì sao Phật còn ở địa vị tu học? Phật trong Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo đều là học sinh, đều chưa viên mãn, vì các Ngài là Chánh Đẳng Chánh Giác, chưa phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, quả vị Phật trong ba giáo này đều có thể gọi là sa-môn, chỉ có Phật trong Viên Giáo mới không gọi như vậy. Phật trong Viên Giáo thật sự viên mãn, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải tu, Ngài chưa viên mãn, còn là học sinh. Phật trong Viên Giáo mới là thật sự tốt nghiệp, viên mãn.

(Diễn) Thuyết vị thuyết chánh pháp giả.

(演) 說謂說正法者。

(Diễn: Thuyết đạo sa-môn nghĩa là người nói chánh pháp).

Thuyết đạo sa-môn là pháp sư giảng kinh, thuyết pháp. Những vị pháp sư này chưa thành vô thượng đạo, cũng thuộc địa vị tu học, đem những gì chính mình tu, chính mình học, cảnh giới do chính mình chứng đắc dâng cho những đồng tu mới học tham khảo, giúp họ tu học. Người nói chánh pháp thì gọi là “thuyết đạo sa-môn”.

(Diễn) Hoạt vị tu thiện phẩm giả.

(演) 活謂修善品者。

(Diễn: Hoạt đạo sa-môn nghĩa là người tu thiện phẩm).

Hoạt đạo sa-môn “vị tu thiện phẩm giả” (nghĩa là người tu thiện phẩm), tức là người thật sự chiếu theo lý luận và phương pháp trong kinh Phật để tu hành.

(Diễn) Ô vị chư tà hạnh giả.

(演) 汙謂諸邪行者。

(Diễn: Ô đạo sa-môn là những kẻ tà hạnh).

Ô đạo sa-môn là những loại sa-môn tuy xuất gia, nhưng chẳng hiểu đạo lý trong Phật pháp, cũng chẳng hiểu phương pháp tu hành, đâm ra trở thành tà tri, tà kiến, rớt vào tiếng tăm, lợi dưỡng.

Chúng ta đừng nên xét nét ai khác, vấn đề là bản thân chúng ta thuộc loại nào? Bất luận là xuất gia hay tại gia, muốn thành tựu đều phải chân tu. Bốn loại này, thẳng đạo không cần phải bàn tới, không có vấn đề gì.

Nếu chúng ta hỏi bậc thuyết đạo, tức người nói chánh pháp có tu hành hay là không? Bậc thuyết đạo nhất định tu hành, tu trước rồi nói sau, chứ không phải nói rồi chẳng tu! Các vị ấy có tu, thật sự chứng đắc cảnh giới ấy, chẳng hoài nghi lý luận và phương pháp thì mới có thể nói được; vị ấy nhất định có thể nói được, do chẳng nghi hoặc mảy may nên mới giới thiệu [những phương pháp và lý luận ấy] cho chúng ta. Nếu chính mình chưa chứng đạo, tức là nghe lỏm, nói mò, nghe người khác nói làm sao thì mình cũng nói vậy, không nắm vững, chính mình chưa kiến đạo [thì chẳng thể nói được]. Thời cổ, bậc giảng kinh thuyết pháp đều là hữu tu, hữu chứng. Do vậy, bậc thuyết đạo cao hơn bậc tu đạo một bậc; bậc tu đạo chưa chắc có thể thuyết đạo, còn bậc thuyết đạo nhất định là tu đạo.

Hàng ô đạo tội nghiệp sâu nặng. Cơ hội đọa địa ngục của các chúng sanh không nhiều. Quý vị nghĩ xem: Có mấy ai tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác? Tội Ngũ Nghịch là “*giết cha, giết mẹ*” (có mấy ai giết cha, giết mẹ? Không có ai), “*làm thân Phật chảy máu*” (cũng không có ai), “*giết A La Hán*” (A La Hán ở đâu quý vị cũng chẳng biết), “*phá hòa hợp Tăng*”, đây đều là những chuyện chẳng thể làm được; nhưng kẻ rất dễ đọa địa ngục A Tỳ là ai? Ô đạo sa-môn, tức là như trong kinh thường nói: “*Thí như sư tử trùng, hoàn phệ sư tử nhục*” (Ví như trùng trong thân sư tử, lại cắn rút thịt sư tử).

Vào trong cửa Phật để phá hoại Phật pháp, tội nghiệp ấy nặng lắm!

(Diễn) Châu Hoàng, thị pháp hựu.

(演) 株宏，是法諱。

(Diễn: Châu Hoàng là pháp danh của đại sư).

Tên hiệu này là pháp danh của đại sư lão nhân gia. Chữ Châu¹ có hai cách đọc, chữ này còn đọc âm Shū, tức chữ Thù (殊) trong Thù Thắng. Danh hiệu của đại sư vốn dùng chữ Thù trong từ ngữ “*thù thắng*” (殊勝). Do trong thời đại chuyên chế, sợ người ta chụp mũ “hủy báng”, phiên

¹ Chữ này có hai âm đọc là Zhū (âm Hán Việt tương ứng là Châu, hoặc Chu) hoặc Shū (âm Hán Việt tương ứng là Thù).

phức lớn lắm. Hoàng đế nhà Minh họ Châu (朱), nếu quý vị dùng chữ Thù, người ta sẽ tố cáo với hoàng đế: Gã này tâm thuật bất chánh, coi thường hoàng đế, “ngạt châu” (歹朱: họ Châu xấu xa) mà! Rắc rối to, nhất định lại dây lên vụ án văn tự. Do vậy, lão nhân gia bèn đổi [bộ Ngạt (歹) trong chữ Thù] thành bộ Y (衣).

(Diễn) Hiệu Liên Trì, Nhân Hòa nhân.

(演) 號蓮池，仁和人。

(Diễn:) Pháp hiệu là Liên Trì, người xứ Nhân Hòa).

Nhân Hòa: Nơi này hiện thời cũng ở Hàng Châu. Vào đời Hán, nơi này có tên là Tiền Đường, đến thời Ngũ Đại, Ngô Việt Vương đổi tên nơi này thành huyện Tiền Giang, hợp với Tiền Đường gọi là Hàng Châu. Đời Tống, nơi này đổi tên thành Nhân Hòa, hiện thời gọi là Hàng Huyện (huyện Hàng).

Thời Dân Quốc đặt tỉnh lỵ của tỉnh Chiết Giang tại nơi đây, chúng ta gọi chung là Hàng Châu, tức là cả một khu vực Hàng Châu. Nơi này xưa nay có tên gọi thay đổi khác nhau. Tiếp theo đây, sách nói đến sự tích xuất gia của Ngài.

(Diễn) Tùng Tánh Thiên hòa thượng chúc phát.

(演) 從性天和尚祝髮。

(Diễn:) Xuống tóc với hòa thượng Tánh Thiên).

“Chúc phát” là “thế độ” (xuống tóc), vị thầy thế độ của Ngài là hòa thượng Tánh Thiên.

(Diễn) Biến tham tri thức.

(演) 遍參知識。

(Diễn:) Tham học với khắp các tri thức).

Sau khi thế độ, thầy thế độ tiếp dẫn quý vị vào cửa Phật. “*Sư phụ lãnh tấn môn, tu hành tại cá nhân*” (thầy dẫn vào cửa Phật, tu hành do chính mình). Trong nhà Phật, vị thầy trọng yếu nhất chính là vị thầy đặc pháp. Trong Thiên Tông, “*đặc pháp*” là khai ngộ. Quý vị khai ngộ trong hội của vị pháp sư nào thì vị thầy ấy hết sức quan trọng đối với quý vị, vì sao? Pháp Thân huệ mạng từ do vị ấy mà có, [quý vị] được gọi là “*pháp tử*” [của vị thầy ấy]. Pháp tử quan trọng hơn đồ đệ rất nhiều, trực tiếp đặc

pháp mà! Trong Tịnh Độ Tông, tiêu chuẩn không cao như vậy. Tịnh Độ Tông chỉ cần thật sự kiến lập Tín - Nguyện - Hạnh là đắc pháp, chứ không phải là đắc Lý nhất tâm bất loạn, không phải vậy! Bởi lẽ, trong Tịnh Độ, thật sự đầy đủ ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh sẽ chắc chắn vãng sanh, vãng sanh chính là quyết định thành Phật ngay trong một đời. Điều này hết sức thù thắng, cho dù là Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng thành tựu, đây chính là chỗ hết thấy các pháp môn khác chẳng thể bằng được, chẳng thể so sánh được!

“*Biến tham tri thức*” là đến cầu học, đến các nơi tham phòng, gặp được một vị thầy chân chánh bèn muốn ở lại, chẳng thể rời đi. Nơi ấy thật sự có thể thành tựu người khác, lẽ nào lại rời đi? Nếu nơi ấy rất khổ, cơm không có mà ăn thì quý vị là do ăn cơm mà tới hay do tu đạo mà tới? Ở nơi ấy có đạo, nhưng không có cơm ăn thì khi đó phải làm sao? Khi đó, dầu chết đói cũng phải học đạo, phải có quyết tâm như vậy, quyết định chớ nên lìa khỏi, vì sao? Pháp Thân huệ mạng là khẩn yếu, thân mạng chẳng khẩn yếu. Pháp Thân huệ mạng khẩn yếu, cổ nhân coi trọng điểm này; do vậy, gặp vị thầy thật sự có đạo ở nơi đâu, họ quyết định chẳng lìa bỏ, chẳng giống như chúng ta hiện thời! Hiện thời, chúng ta thấy nơi nào sống thoải mái, tự tại bèn tới đó. Chỗ nào khổ quá, chẳng tới, khổ quá mà! Chẳng cần biết có đạo hay không, trước tiên phải nghe ngóng coi hoàn cảnh ra sao, cuộc sống như thế nào, đãi ngộ ra làm sao, phải bàn định những chuyện đó rồi mới tới, rất khó đạt thành tựu!

(Diễn) U Tiểu Nham xứ hữu sở khế nhập.

(演) 於笑巖處有所契入。

(Diễn: Ở nơi ngài Tiểu Nham có chỗ khế nhập).

Tiểu Nham là thiền sư Biến Dung. Vị thiền sư này dạy ngài Liên Trì điều gì? Thuở ấy, vị thiền sư này rất nổi tiếng, Ngài là một vị cao tăng. Khi ấy, ngài Liên Trì là học trò, xuất gia chưa lâu, đến nơi ấy tham phòng thiền sư, cứ ba bước một lạy, hết sức khiêm hư, lễ dưới tòa của lão Hòa Thượng. Lão Hòa Thượng nói với Ngài pháp nào khiến Ngài khai ngộ? Truyện ký ghi chép rất rõ ràng. Pháp do Hòa Thượng nói chính là lời nói tâm thường quen thuộc, không có một câu nào hiếm hoi, lạ lùng gì cả! Lão Hòa Thượng bảo Ngài: “*Ông là người trẻ tuổi, khá lắm! Hãy nhớ kỹ! Trong một đời này, chớ để tiếng tăm, lợi dưỡng làm hại*”. Từ câu nói này, Ngài ngộ nhập. Lúc ấy, người đến nghe pháp với Hòa Thượng đang hiện diện nghe nói xong đều cười cợt, người kiên thành như vậy tìm đến, lão

Hòa Thượng nhất định giảng diệu pháp, nào ngờ được nghe một câu nói tầm thường quen thuộc. Người cùng nghe đông đảo như vậy đều không thụ dụng được, chỉ có mình Ngài thụ dụng. Đây chính là như cổ nhân nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”.

Những người kia cùng nghe như thế, vì sao chẳng thể thụ dụng? Thiếu lòng thành kính, không có tâm cung kính, nên tuy nghe mà chẳng thể thụ dụng. Liên Trì đại sư nói: “Lão hòa thượng là thiện tri thức thật sự, Ngài dạy tôi một câu hết sức bình thường, chất phác, suốt đời tôi nhất định phải thực hiện được. Ngài chẳng gạt người, chẳng đàm huyền thuyết diệu, cố ý đề cao thân phận của chính mình, Ngài là người chất phác”. Một câu này nói toạc ra khuyết điểm của những kẻ hậu học chúng ta trong đời Mạt, cảnh tỉnh chúng ta. Một đời Ngài dốc lực nhờ vào câu nói ấy của lão Hòa Thượng. Có thể bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng thì sẽ thực hiện được. Hễ có tư hào tiếng tăm, lợi dưỡng thì tiếng tăm, lợi dưỡng giống như thuốc độc, trong một bầu đề-hồ của ta xen lẫn một tí độc được thì cả bầu sẽ biến thành độc được. Trong đề-hồ chẳng được xen lẫn tí ti độc được nào! “*Hữu sở khê nhập*” nghĩa là Ngài có ngộ nhập.

(Diễn) Toại kết mao thâm cốc, chủ trương Tịnh Độ.

(演) 遂結茅深谷主張淨土。

(Diễn: Bèn dựng lều tranh trong hang sâu, chủ trương Tịnh Độ).

Tại Vân Thê Ô, vào thời cổ có ngôi chùa Vân Thê, Sư kết lều tranh trong chốn hoang vu để tấn tu, chuyên tu pháp môn Niệm Phật. Đọc truyện ký, ta thấy Ngài chưa từng làm Phật sự, chuyện gì cũng chẳng làm, suốt ngày từ sáng đến tối là một câu A Di Đà Phật. Có một năm, nơi ấy bị hạn hán dữ dội, đã rất lâu trời không mưa, có người nói Ngài đạo đức cao, thật sự là một vị cao tăng hữu đạo, thỉnh Ngài tới cầu mưa. Nghi thức gì Ngài cũng không biết, được rồi! Cầu mưa thì mọi người hãy cùng đi với tôi, Ngài ở đằng trước cầm dẫn khánh, đi ra đồng niệm A Di Đà Phật. Kỳ lạ sao! Ngài đi đến chỗ nào, mưa liền trút xuống nơi đó, thật sự có cảm ứng! Nghi thức nào cũng chẳng có, một câu A Di Đà Phật niệm đến nơi đâu trời đổ mưa xuống nơi đó, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Tăng lập ngũ tuần.

(演) 僧臘五旬。

(Diễn: Tăng lập năm mươi năm)

“*Tăng lạp*” là số năm xuất gia, Ngài xuất gia năm mươi năm.

(Diễn) *Thế thọ bát thập.*

(演) 世壽八十。

(Diễn: *Tuổi thọ tám mươi.*)

Quý vị vừa đọc liền hiểu ngay, Ngài xuất gia năm ba mươi tuổi, viên tịch năm tám mươi tuổi.

(Diễn) *Hóa duyên ký tất, niệm Phật nhi thệ.*

(演) 化緣既畢，念佛而逝。

(Diễn: *Duyên hóa độ đã xong, niệm Phật qua đời.*)

Ngài là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông. Trong số các vị Tổ Sư nhiều đời, thành tựu của Ngài hết sức thù thắng, khó có nhất là bộ Sớ Sao này, có thể nói là Ngài hoàn toàn giải thích giáo nghĩa “*bác đại tinh thâm*” (rộng lớn, tinh tường, sâu xa) của kinh Di Đà cho chúng ta, khiến cho chúng ta thật sự nhận biết pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) *Thuật giả, truyền thuật dã.*

(演) 述者，傳述也。

(Diễn: *Thuật là truyền thuật.*)

Chữ “*thuật*” cũng hết sức khiêm hư. Thật ra, Ngài trước tác bộ sách này, nhưng chẳng nói là “*trước*” (soạn) mà nói là “*thuật*”, thuật nhi bất tác (chỉ kể lại chứ không sáng tác), trần thuật lời cổ thánh tiên hiền, tôi chỉ kể lại những lời ấy mà thôi, chứ tự mình không sáng tác, đây là cách nói khiêm hư.

(Diễn) *Nhạc Ký vân: “Tri lễ nhạc chi tình năng tác”.*

(演) 樂記云，知禮樂之情能作。

(Diễn: *Sách Nhạc Ký chép: “Thông hiểu cái tình nơi lễ nhạc thì mới có thể chế định”*)

“*Tri*” là thật sự hiểu rõ, thông đạt, có thể chế định lễ, soạn nhạc. Lễ Nhạc là giáo học về khuôn phép cho tâm hạnh. Lễ nhằm ước thúc thân thể chúng ta, nhất cử, nhất động, một lời nói, một tiếng cười phải hợp lễ. Lễ

là tiêu chuẩn cho hành vi. Nhạc nhằm điều hòa cái tâm, điều dưỡng tánh tình, mừng, giận, buồn, vui vừa phải, chớ nên quá lố! Khổng lão phu tử dạy học, dùng Lễ và Nhạc để làm phương tiện dạy học. Nhà Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, hết sức coi trọng Lễ Nhạc, Giới là Lễ, Phạm Bái là Nhạc. Nếu Lễ và Nhạc đều mất thì dạy học chẳng đạt được hiệu quả vì công cụ để dạy học không còn nữa! Kinh văn nói đến lý luận, phương pháp; ắt phải dùng phương tiện để thực hành những lý luận, phương pháp ấy. Phương pháp thực hành là Lễ Nhạc, trong nhà Phật chính là Giới Luật và Phạm Bái. Do vậy, hai môn này rất quan trọng, trước tác chẳng dễ dàng, mà trần thuật cũng chẳng đơn giản.

(Diễn) “Thức lễ nhạc chi văn năng thuật”.

(演) 識禮樂之文能述。

(Diễn:) *Đọc hiểu ngôn từ của lễ nhạc thì mới có thể trần thuật).*

“Thức” (識) là nhận biết, quý vị đọc hiểu tác phẩm của cổ nhân, thật sự thấu hiểu ý nghĩa, sẽ có thể truyền đạo, có thể truyền thuật.

(Diễn) Tác giả vị chi thánh, thuật giả vị chi hiền.

(演) 作者謂之聖，述者謂之賢。

(Diễn:) *Người trước tác gọi là thánh, người truyền thuật gọi là hiền).*

Bậc thánh hiền đấy.

(Diễn) Thử kinh tuy hữu cổ số sổ gia hành thế.

(演) 此經雖有古疏數家行世。

(Diễn:) *Kinh này tuy có mấy bản chú giải từ cổ đã được lưu hành trong cõi đời).*

Từ thời xưa đã có người chú giải kinh Di Đà.

(Diễn) Từ tuy thiết nhi thái giản, lý vi lộ nhi bất chương.

(演) 詞雖切而太簡，理微露而不彰。

(Diễn:) *Lời lẽ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý hơi hé lộ, nhưng chưa phơi bày).*

Quý vị hãy nghĩ tới bản chú giải của Khuy Cơ đại sư, bản này có trước thời Liên Trì đại sư. Khuy Cơ đại sư là người đời Đường, Liên Trì đại sư là người đời Minh. Bản chú giải của Khuy Cơ đại sư được lưu truyền đến hiện thời, đương nhiên, Liên Trì đại sư cũng đã đọc, bản này được coi là một bản chú giải kinh Di Đà rất hay. Thật ra, “*từ tuy thiết nhi thái giản, lý vi lộ nhi bất chương*” (lời lẽ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý hơi tỏ lộ nhưng chưa phơi bày). “*Chương*” (彰) là rành rành, đạo lý thì có, được bao hàm trong ấy, bậc cao nhân vừa đọc liền thấy ngay; chứ lũ chúng ta khi đọc tác phẩm ấy sẽ chẳng thấy được. Ấy là vì nói không rõ rệt lắm, hoặc là nói chưa đủ rõ rệt, đối với đại sư thì không có vấn đề gì, nhưng người đời sau nghiệp chướng sâu nặng, người trình độ nông cạn mà đọc thì sẽ chẳng thấy được [những đạo lý ấy]. Câu này có ý nói những bản chú giải kinh Di Đà của cổ đại đức trong Vạn Tục Tạng chẳng ít, quả thật rất đơn giản, trọng yếu, nhưng kẻ sơ học đọc những tác phẩm ấy vẫn gặp khó khăn.

(Diễn) Kim tư sớ sao.

(演) 今茲疏鈔。

(Diễn: Do vậy, nay bèn viết sớ và lời sao).

Câu này nói về sự trước tác của lão nhân gia, khác với cổ đức, khác ở chỗ nào? Đoạn dưới đây cho biết:

(Diễn) Hợp Thiên Thai, Hiền Thủ, hội Tánh Tướng nhị tông, Sự Lý song dung, Tông Thuyết kiêm sớ, ngôn tiên thánh chỉ dục ngôn, phát tiền hiền chỉ vị phát, khả vị thiên cổ độc sáng. Kim ngôn thuật giả, nãi khiêm từ dã.

(演) 合天台、賢首，會性相二宗，事理雙融，宗說兼暢，言先聖之欲言，發前賢之未發，可謂千古獨創。今言述者，乃謙詞也。

(Diễn: Kết hợp những giáo nghĩa của tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ, dung hội hai tông Tánh và Tướng, Sự lẫn Lý đều viên dung, trình bày thông suốt Tông và Thuyết, nói lên những điều bậc tiên thánh muốn nói, nêu ra những điểm tiền hiền chưa nêu, có thể gọi là tác phẩm độc đáo cả ngàn đời. Nay đại sư ghi là “thuật” chính là lời nói khiêm tốn vậy).

Lão nhân gia khiêm hư, chẳng nói là “*trước*” (sáng tác) mà ghi là “*thuật*” (truyền thuật). Đoạn này hết sức quan trọng, chúng ta phải đặc biệt lưu ý thì quý vị mới hiểu được giá trị của bộ Sớ Sao thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Thiên Thai là Pháp Hoa Tông do Trí Giả đại sư sáng lập, Hiền Thủ là Hoa Nghiêm Tông. [Thiên Thai và Hiền Thủ] là hai học phái Giáo Hạ chủ yếu tại Trung Quốc. Hai học phái này quả thật có cống hiến rất lớn đối với Phật giáo. Bộ Sớ Sao dựa theo giáo nghĩa của hai học phái này. Đọc bộ Sớ Sao là đem giáo nghĩa của Thiên Thai và Hiền Thủ gộp lại một chỗ.

“*Hội Tánh Tướng nhị tông*”: “*Hội*” là dung hội, hai tông Tánh và Tướng là toàn bộ Phật pháp. Phân loại những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm thì chẳng ngoài Tánh Tông và Tướng Tông. Cổ nhân chú giải kinh Di Đà không theo cách chú giải này. Nói thật ra, đại sư đã vận dụng trọn hết tinh hoa của Phật pháp trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật để phô diễn kinh Di Đà. Vì vậy, bản chú giải kinh Di Đà này có thể đại diện cho toàn bộ Phật pháp. Khi tôi tu học tại Đài Trung, thầy Lý có nói: “*Nếu chẳng đọc nửa bộ Đại Tạng Kinh, chắc chắn các anh chẳng hiểu được bộ Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư*”. Thật đây! Hai vị này đều đem toàn bộ Phật pháp dung hội trong kinh Di Đà, hoàn toàn phát huy trong tác phẩm chú giải kinh Di Đà.

“*Lý Sự song dung, Tông Thuyết kiêm sớ*”²: Tông là Tông Môn, là tông chỉ của Thiền Tông. Thuyết là Giáo Hạ. Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều dung hợp trong bản chú giải này.

“*Ngôn tiên thánh chi dực ngôn*”: “*Thánh*” là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh vì ý nghĩa này. “*Phát tiên hiền chi vị phát*”: Phát là “*phát minh*” (nêu tỏ, làm rõ ý nghĩa), chữ “*hiền*” trong “*tiền hiền*” (bậc hiền nhân đời trước) chỉ người chú giải. “*Thánh*” là người nói kinh, tức Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra bộ kinh này là vì ý nghĩa này, nhưng quả thật những người chú giải từ thuở xưa chưa có thể “*phát minh*” trọn vẹn, mãi cho đến Liên Trì đại sư mới thật sự nêu bày thông suốt bốn hoài của Phật. Thích Ca Mâu Ni nói kinh Di Đà, đại sư hoàn toàn lãnh ngộ, liễu giải, càng khó có hơn nữa là Ngài nêu tỏ hoàn toàn, khiến cho mỗi một đồng tu tu học Tịnh Độ đều đạt được lợi ích vô thượng, rất khó! Ở đây, pháp sư Cổ Đức tán thán chẳng quá lỗ chút nào!

² Sách Diễn Nghĩa ghi là “*Sự Lý song dung*”, nhưng phần lời giảng của Hòa Thượng lại ghi là “*Lý Sự song dung*”, chúng tôi đoán đây là lỗi ấn loát, nhưng vẫn để nguyên như vậy.

“*Khả vị thiên cổ độc sáng*” (Có thể nói là tác phẩm độc đáo cả ngàn đời): Lời tán thán Liên Trì đại sư này chẳng nói quá lớn, xác thật là như thế. Chúng ta chưa đọc bộ Diễn Nghĩa, chỉ đọc Sớ Sao, sẽ chẳng thấy được ý nghĩa này. Kinh văn đến đây nhằm giới thiệu Liên Trì đại sư một cách đơn giản, giới thiệu đại lược bộ Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Chúng ta hiểu rồi thì mới coi trọng bản chú giải này. Nếu không, sẽ ở ngay trước mặt mà chẳng biết giá trị, ở trước mặt mà bỏ lỡ, thật đáng tiếc lắm!

(Sớ) Thử kinh sớ sao, đại văn phân tam: Sơ Thông Tự đại ý, nhị khai chương thích văn, tam kết thích chú ý, vị thuận chư kinh Tự, Chánh, Lưu Thông tam phần, diệc thuận Tịnh nghiệp Tín Hạnh Nguyên cố.

(疏)此經疏鈔，大文分三：初通序大意，二開章釋文，三結釋咒意。為順諸經序、正、流通三分，亦順淨業信行願故。

(Sớ: Toàn bộ lời Sớ Sao của kinh này được chia thành ba phần: Phần thứ nhất là nêu đại ý của phần Thông Tự, phần thứ hai là chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn, phần thứ ba là tổng kết lời giải thích, giảng ý nghĩa của chú Vãng Sanh, nhằm thuận theo thứ tự ba phần Tự, Chánh Tông, Lưu Thông của các kinh, mà cũng thuận theo Tín - Hạnh - Nghiệp của Tịnh nghiệp).

Cuốn Thượng là phần trước tác của Liên Trì đại sư, cuốn Hạ là Diễn Nghĩa, tức là phần ghi chép khi pháp sư Cổ Đức nghe giảng, mà cũng là phần chú giải bộ Sớ Sao. Chúng ta có được Pháp Bảo này, càng hiểu thấu triệt bộ Sớ Sao. Những câu nào do Liên Trì đại sư viết, những câu nào do đệ tử của Ngài viết, chúng ta phải nhận biết rõ ràng. Chúng ta lại xem lời chú giải trong phần Diễn Nghĩa, hai hàng đầu trình bày thể lệ chú giải của đại sư, đây chính là thể tài (genre).

(Diễn) Khoa trung Thông Tự đại ý giả, hàm nhị nghĩa.

(演) 科中通序大意者含二義。

(Diễn: Trong Khoa Phán, phần Thông Tự đại ý gồm hai nghĩa).

“*Khoa trung*”: Trong Phật pháp gọi là Khoa Phán, đoạn thứ nhất là Thông Tự Đại Ý. Thông Tự Đại Ý là gì? Trong Thông Tự Đại Ý có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là....

(Diễn) Nhất, Thông Tự nhất kinh đại ý.

(演) 一、通序一經大意。

(Diễn: Thứ nhất, Thông Tự chính là đại ý của một bài kinh).

“Tự” (序) là trần thuật, “Thông” (通) là nói chung, do đối ứng với phần Biệt Tự ở phía sau mà gọi [là Thông Tự], phần Thông Tự có thể nói là [trình bày] thể lệ chung cho toàn bộ hết thấy các kinh.

(Diễn) Dĩ minh tánh, tán kinh nhị khoa, phát huy “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, vì tu trì chi bản.

(演) 以明性讚經二科，發揮自性彌陀，唯心淨土，為修持之本。

(Diễn: Dùng hai phần “chỉ rõ tánh” và “khen ngợi kinh” để nêu bật ý nghĩa “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ” nhằm làm cái gốc cho sự tu trì).

Câu này rất trọng yếu, vừa mở đầu liền nêu ra nguyên lý cao nhất để làm căn cứ cho sự tu học trong pháp môn Tịnh Độ. Không có lý luận để làm căn cứ thì chúng ta chẳng thể tin tưởng. Quả thật là có căn cứ lý luận, điều này được nêu rõ trong phần Thông Tự Đại Ý. Bản chú giải này gồm bốn quyển, quyển thứ nhất là Thông Tự Đại Ý. Sau phần Thông Tự Đại Ý là phần Huyền Nghĩa, phần Tự chiếm hết nửa quyển, phần khai triển Thập Môn chiếm hết nửa quyển [còn lại]. Do vậy, trong quyển đầu tiên không có kinh văn, nhưng nó đặc biệt quan trọng. “Minh tánh, tán kinh” là hai đoạn lớn trong phần Thông Tự. Phần Thông Tự gồm năm đoạn lớn, ý chánh trong hai đoạn đầu là “nêu bật ý nghĩa tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”. Điều này có quan hệ mật thiết, chẳng thể tách rời Thiên Thai, Hiền Thủ, Tánh, Tướng hai tông. Đây là điểm khó có [trong bộ chú giải này]. Sau khi hiểu rõ hoàn toàn thì mới biết tu học pháp môn này ra sao, mới biết cách niệm một câu A Di Đà Phật như thế nào. Trong một câu A Di Đà Phật bao gồm vô lượng vô biên công đức, vì sao vậy? Tương ứng với tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Đây là căn cứ lý luận.

(Diễn) Nhiên hậu, y giải khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh.

(演) 然後依解起行，執持名號，求願往生。

(Diễn: *Sau đây, dựa theo sự hiểu biết mà khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh).*

Nói đến tu hành “y giải khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh”, vô cùng quan trọng. Do vậy, người niệm Phật chẳng thể nói là không cần hiểu, “tôi chỉ cần thật thà niệm Phật là được rồi”. Nói chẳng sai, nhưng vấn đề là đâu? Chưa thể thật thà được! Tự cho mình là thật thà, chẳng được! Đấy chính là thiếu thật thà! Tự cho mình là thật thà sẽ chẳng phải là thật thà. Thế nào là người thật thà? Thật sự thông hiểu đạo lý, chẳng có một vọng niệm nào, đấy mới là “thật thà”. “Ta chỉ cần niệm A Di Đà Phật, ta không cần hiểu” thì kẻ ấy vẫn còn vọng niệm, cho nên chẳng thật thà! Vì thế, thật thà chẳng dễ dàng, không đơn giản như vậy! Thật thà niệm Phật, quyết định thành tựu. Nói đơn giản, không có thị phi nhân ngã là người thật thà, còn có thị phi nhân ngã thì làm sao tính là người thật thà cho được? Coi kẻ có thị phi nhân ngã là thật thà thì ai mới là không thật thà? Ai cũng thật thà hết! Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta có đoạn được thị phi nhân ngã hay chưa? Nhất định phải cầu giải, y giải khởi hạnh. Ở đây, chữ Giải này có thể chuyên dùng để nói về bộ Sớ Sao này, kể cả Diễn Nghĩa. Chúng ta phải nghiêm túc nghiên cứu, hiểu rõ nó. Hiểu xong, chiếu theo phương pháp, lý luận này để chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh. Chấp trì danh hiệu là Hạnh, cầu nguyện vãng sanh là mục đích và thành tựu của chúng ta.

(Diễn) *Kỳ độn căn giả, đơn do sự tướng, chuyên trì danh hiệu diệt đắc vãng sanh.*

(演) 其鈍根者，單由事相，專持名號亦得往生。

(Diễn: *Người độn căn, chỉ do sự tướng chuyên trì danh hiệu cũng được vãng sanh).*

Mấy câu này là tất yếu! Lời giảng quá sâu, dung hợp tinh hoa của Thiên Thai, Hiền Thủ lẫn hai tông Tánh và Tướng, làm sao mà chẳng sâu? Thật sự là có mức độ khá sâu. Do vậy, quý vị đọc phần Thông Tự đầu sách, so ra còn sâu hơn phần chú giải ở phía sau. Chúng ta căn tánh chậm chạp, cùn nhụt, ngu si, đọc cũng chẳng hiểu, nghe cũng không hiểu, không có hy vọng gì ư? Có chứ! Vẫn còn có hy vọng. Có cơ hội để đọc, để nghe, đừng bỏ lỡ, chớ nên nghĩ: “Ta là kẻ chậm chạp, cùn nhụt, nghe cũng không hiểu, coi như xong, khỏi cần nghe nữa!” Làm rồi! Nghe không hiểu vẫn cứ phải nghe, đọc không hiểu cũng phải đọc thì mới là đúng. Nghe nhiều

sẽ hiểu, xem nhiều sẽ hiểu, cổ nhân đã nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lượt sẽ tự thấy được ý nghĩa). Thử hỏi quý vị đã đọc một ngàn lượt hay chưa? Không có! Không có thì quý vị cứ từ từ đọc đi. Nhất định đọc nhiều, nghe nhiều, tuyệt đối chẳng bỏ lỡ cơ hội, đó gọi là Bồ Tát. Biện pháp là “chỉ do sự tướng” chuyên trì danh hiệu cũng được vãng sanh, đó gọi là Sự Trì. Chấp trì danh hiệu có Sự, có Lý. Sự Trì là do chưa hiểu Lý, chúng ta cứ niệm một câu A Di Đà Phật, chưa hoàn toàn hiểu rõ Lý, chưa thể thấu triệt, còn chưa thông suốt Lý, nhưng một câu Phật hiệu vẫn có thể chế ngự phiền não. Đạo lý này rất rõ ràng, dễ thấy, nhất định phải hiểu điều này. Khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm chúng ta vừa mới khởi tâm động niệm, bèn dùng một câu A Di Đà Phật này khuất phục ý niệm ấy, đè nén nó. Điều này chẳng khó hiểu, người căn tánh trung hạ đều hiểu cả!

Tương ứng với “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*” như thế nào, điều này khó hiểu. Đừng sợ không hiểu, chỉ trì theo mặt sự tướng, ta niệm niệm đều có thể chế phục tham, sân, si, niệm niệm đều có thể chế phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, trong mỗi niệm có Tín, Nguyện, Hạnh là được rồi, sẽ có thể vãng sanh, sẽ có thể niệm đến mức “công phu thành phiền”, có thể niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, chưa niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn thì đã rất khá, rất khó có! Nếu hiểu rõ toàn bộ những lý luận ấy thì một câu A Di Đà Phật sẽ là Lý Trì. Trong Lý có Sự, trong Sự chẳng rõ Lý, trong Lý nhất định có Sự, chẳng thể nào nói “hiểu Lý rồi bèn không niệm Phật”, không có đạo lý ấy! [Nếu nghĩ như vậy] là làm lẫn quá đổi, là chấp Lý phế Sự. Kẻ chấp Lý phế Sự nhất định chẳng đạt được gì, cổ nhân gọi kẻ ấy là “*nói chuyện ăn, đếm của báu*”, chẳng tu hành! Phạm là người hiểu lý, trong mười hai thời, một câu Phật hiệu tuyệt đối chẳng gián đoạn giữa chừng, nhất định còn siêng năng, mạnh mẽ hơn người Sự Trì, nhất định còn sốt sắng hơn, thật sự tu hành. Người ấy thông hiểu giá trị. Hễ kẻ nào hiểu Lý mà chẳng chịu hành nơi mặt Sự thì chưa chắc kẻ ấy đã thật sự nhận biết giá trị, mạo nhận là người hiểu giá trị, là giả vờ, là dối mình, lừa người. Quý vị phải hiểu: Lý Trì quyết định chẳng phế bỏ Sự Trì.

(Diễn) Tam căn phổ bị, thượng hạ kiêm thâm, tác mật pháp tối hậu phương tiện, vì nhất kinh đại chỉ đã.

(演)三根普被，上下兼收，作末法最後方便。為一經大旨也。

(Diễn: Thích hợp khắp ba căn, thượng căn lẫn độn căn đều thâm tóm, làm phương tiện cuối cùng trong thời Mật Pháp, đây chính là ý chỉ to lớn của kinh này vậy).

Khi kinh Phật diệt hết, kinh Di Đà vẫn còn lưu lại một trăm năm. Kinh Di Đà diệt cuối cùng; do vậy, kinh này là phương tiện tối hậu trong thời Mật Pháp. Trong một trăm năm cuối cùng trước khi pháp hoàn toàn diệt sạch, nếu quý vị gặp kinh Di Đà, chấp trì danh hiệu thì vẫn còn có thể vãng sanh, vẫn còn có thể thành tựu. Bởi lẽ, bộ kinh này không chỉ là bi tâm triệt đề của riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn là bi tâm triệt đề của chư Phật, thật sự có thể độ hết thấy chúng sanh, chẳng giống những pháp môn khác. Nói thật ra, những pháp môn khác đại đa số nhằm kết duyên với quý vị, huân tập một chủng tử Phật pháp trong A Lại Da Thức, mong đắc độ ngay trong một đời há dễ dàng ư? Muốn đắc độ trong một đời, chỉ có pháp môn này. Do vậy, quý vị phải nhận biết rõ ràng, bộ kinh này là kinh bậc nhất trong Phật pháp, bộ pháp môn này sẽ chẳng có cách cứu. Trong một đời này, chúng ta gặp được bộ kinh này, tính ra là do thiện căn, phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp nên mới được gặp gỡ. Gặp được pháp môn thành Phật ngay trong một đời, còn tìm đâu nữa! Gặp được rồi thì phải thật sự nhận thức, quyết định nắm chặt, chẳng buông lung, hết thấy pháp môn đều có thể buông bỏ, muôn vàn phần chớ nên bỏ pháp môn này.

Đây là vận may thật sự của chúng ta, từ vô lượng kiếp đến nay đều không nắm bắt được, không thể gặp gỡ được. Dầu có gặp gỡ thì dù gặp cũng không biết giá trị, khác nào chẳng gặp gỡ! Trong đời này, chúng ta có Liên Trì đại sư, pháp sư Cổ Đức giới thiệu cho chúng ta, tâm nhãn mở mang, biết giá trị [của pháp môn này]. Nếu không có hai vị đại thiện tri thức giúp đỡ chúng ta, ở bên cạnh giảng giải, thuyết minh cho chúng ta, chúng ta vẫn chẳng nhận biết giá trị. Đây là tông chỉ của bộ kinh này, tức tông chỉ của kinh Di Đà là ở chỗ này. Ý nghĩa thứ hai là...

(Diễn) Nhị, Thông Tự tác sớ đại ý.

(演) 二、通序作疏大意。

(Diễn: Hai là trong phần Thông Tự, nêu ra ý chính vì sao phải viết sớ giải).

Đoạn trên là nêu đại ý của kinh này, [vì sao Phật] nói kinh, còn đoạn này nêu ý nghĩa vì sao Liên Trì đại sư viết chú giải.

(Diễn) *Dĩ cảm thời thuật ý nhị khoa, minh thử nhất kinh, Sự Lý song dung, Tánh Tướng thông bị.*

(演) 以感時述意二科，明此一經，事理雙融，性相通備。

(Diễn: Dùng hai khoa là Cảm Thời và Thuật Ý để chỉ rõ kinh này Sự lẫn Lý cùng viên dung, Tánh và Tướng đều trọn đủ).

Cảm Thời và Thuật Ý là hai đoạn trong năm đoạn lớn của phần Thông Tự. Cảm Thời là cảm khái trước thời tiết nhân duyên. Chúng ta hiện đang trong thời kỳ Mật Pháp, Liên Trì đại sư cũng sống trong thời Mật Pháp, bước vào thời kỳ Mật Pháp. Trong thời kỳ Mật Pháp, trừ Tịnh Độ ra, những pháp môn khác rất khó thành tựu. Trong kinh Đại Tập, đức Phật nói: “Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mật Pháp, Tịnh Độ thành tựu”. Chúng ta đang ở trong thời Mật Pháp, tu học pháp môn Tịnh Độ đúng là y giáo phụng hành, sẽ là học trò ngoan của Phật. Chúng ta học những pháp môn khác là không nghe lời, vậy là không có cách gì hết, chúng ta phải tự gánh lấy trách nhiệm. Đức Phật luôn nói rõ ràng. Thuật Ý là trình bày ý kiến của chính đại sư, [nêu rõ] ý nghĩa vì sao viết bộ Sớ Sao này. Hai đoạn lớn ấy nhằm nêu rõ bộ kinh này “Sự Lý song dung, Tánh Tướng thông bị” (Sự lẫn Lý cùng viên dung, Tánh và Tướng đều trọn đủ). “Bị” (備) có nghĩa là trọn đủ, đầy đủ. Do đây biết rằng: Hoàn toàn chẳng phải là Liên Trì đại sư đem giáo nghĩa Thiên Thai, Hiền Thủ, Tánh, Tướng dung hợp lại trong bộ kinh này để làm sáng tỏ [nghĩa kinh] mà thật ra là bộ kinh này có trọn đủ các giáo nghĩa của các tông, các phái. Nó vốn sẵn trọn đủ, chẳng qua là đại sư nêu rõ những giáo nghĩa ấy mà thôi, chỉ cho chúng ta thấy. Bộ kinh này quả thật thông với Thiên Thai, Hiền Thủ, Tánh Tông, Tướng Tông. Trong phần sau, tại mỗi nơi, sách Sớ Sao sẽ chỉ ra cho chúng ta thấy.

(Diễn) *Thời cơ chấp Tánh, chấp Tướng, các trệ nhất biên.*

(演) 時機執性執相，各滯一邊。

(Diễn: Xét theo thời tiết, căn cơ thì chúng sanh chấp Tánh hoặc chấp Tướng, vướng mắc một bên).

“Thời” chỉ thời đại hiện tại. “Cơ” chỉ những chúng sanh học Phật, tức người hiện thời. Người học Phật chấp trước, chấp vào Tánh bên tham

Thiên, chấp vào Tướng bèn học Giáo, đều là chấp lệch một bên, đều chẳng thể viên dung.

(Diễn) *Chí linh quảng đại pháp môn, mê nhi bất giác.*

(演) 至令廣大法門，迷而不覺。

(Diễn: Đến nỗi đối với pháp môn rộng lớn mà mê hoặc, chẳng giác ngộ).

Thật đáng tiếc, đáng tiếc quá! Vô thượng trân bảo ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, nhân duyên một đời thành Phật ở ngay trước mặt mà chẳng nhận biết. Quý vị nói xem: Đáng tiếc lắm chứ! Chẳng biết chọn lấy pháp!

(Diễn) *Cổ kiệt tư lũy tải, số Dịch vi biên, tác thử Sớ Sao dã.*

(演) 故竭思累載，數易韋編，作此疏鈔也。

(Diễn: Vì vậy dốc hết nhiều năm suy nghĩ, nhiều lần kinh Dịch đứt lẽ, soạn bộ Sớ Sao này).

Liên Trì đại sư thương xót những chúng sanh trong thời Mạt Pháp, vô thượng pháp môn, vô thượng trân bảo ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, đáng tiếc quá! Do vậy, Ngài tốn phí thời gian mấy năm, “số Dịch vi biên”³ tức là sửa đi sửa lại bản thảo, sửa nhiều lượt mới hoàn thành công việc trước tác bộ Sớ Sao này. Hai hàng đầu nhằm giải thích thể lệ đại sư dùng để soạn Sớ Sao và được pháp sư Cổ Đức giảng rõ như vậy để khiến chúng ta dễ dàng hiểu được ý nghĩa. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này.

³ “Vi biên” chính là sợi dây bằng da trâu thuộc để khâu các thẻ sách cho khỏi đứt lẽ. Thời Khổng Tử chưa có giấy, sách phải viết lên thẻ tre hay thẻ gỗ có khoét lỗ, dùng da trâu thuộc làm dây buộc lại cho khỏi lạc (sợi dây ấy gọi là “vi biên”). Khổng Tử đọc kinh Dịch đến nỗi ba lần sách đứt dây vi biên; vì thế, cô nhân dùng thành ngữ “số Dịch vi biên” (mấy lượt dây buộc kinh Dịch bị đứt) để chỉ sự nghiên cứu, cân nhắc kỹ càng trong nghiên cứu, trước tác.